TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH K

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoạt

2. Ông Đinh Văn Liêm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Nữ Thanh Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Thông báo chuyển phiên tòa số: 47/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị D sinh năm: 1985.

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, phường M, quận S, thành phố Đ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn L, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Hải đội K, Lữ đoàn T, phường CN, thành phố V, tỉnh K. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày:* Chị và anh Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống tại Đ. Vài năm sau vợ chồng chuyển vào V sinh sống tại tổ N, phường CN. Đến năm 2014, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ việc nhỏ đến lớn. Cuộc sống gia đình rất ngột ngạt, ức

chế và thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 3/2017, vợ chồng chị đã sống ly thân. Hiện nay, chị đã không còn tình cảm với anh L nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày: 26/02/2008 và Nguyễn H, sinh ngày: 09/12/2010. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và anh L cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2017.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 27/10/2017 và biên bản hòa giải ngày 10/11/2017, bị đơn anh Nguyễn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Quá trình kết hôn đúng như chị D trình bày.

Vợ chồng chung sống tại Đ từ năm 2007 đến năm 2013 chuyển vào sống tại K. Từ năm 2013 đến tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do chị D không còn yêu thương chồng như trước. Hiện nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì lý do muốn để cho cả hai có thời gian tự hòa giải để về sống với nhau giúp việc nuôi dưỡng hai con được tốt hơn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung đúng như chị D trình bày. Anh đồng ý giao hai con chung cho cô D nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2017.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V:*

- Về tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Ngô Thị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh giải quyết việc hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Ngày 20/12/2017, nguyên đơn chị Ngô Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của chị D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn L nhưng anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01, ngày 17/8/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị D và anh Lchung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân chị D không còn tình cảm với anh L; từ tháng 7/2017 đến nay, chị D và anh L mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc gì nhau. Sự việc này làm cho hôn nhân của vợ chồng chị D, anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị D.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày: 26/02/2008 và Nguyễn H, sinh ngày: 09/12/2010. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, anh L đồng ý giao 02 con cho chị D nuôi dưỡng. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Hai cháu T và H có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của hai con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao 02 cháu T và H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ tháng 12/2017, anh L đồng ý. Xét: Nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc chị D yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là nhằm đảm bảo tốt cho con về mặt vật chất nên yêu cầu của chị D là có cơ sở, phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Chị D và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Chị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn". Anh L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Cấp dưỡng nuôi con".

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị D được ly hôn anh Nguyễn L.

2. Về con chung: Chị Ngô Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày: 26/02/2008 và Nguyễn H, sinh ngày: 09/12/2010

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn L phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2017 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí:

Chị Ngô Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011936 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Chị D đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Cấp dưỡng nuôi con".

5. Quy định:

Kể từ ngày chị Ngô Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn L không thi hành khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND t.p V;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHADS t.p V;
- UBND phường M, quận S, t.p Đ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hồng Công